

Số: 03/BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin. Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO được phát hành tại báo cáo kiểm toán số: BC/BDO/2022.090 ngày 18 tháng 03 năm 2022.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2021, kết quả đánh giá như sau :

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KHĐH CĐ 2021	Thực hiện		% Thực hiện 2021 so với	
				Năm 2020	Năm 2021	KHĐH CĐ	TH 2020
A	B	C	1	2	3	4 = 3/1	5 = 3/2
1	Doanh thu	Triệu đ	1 142 000	1 239 057	1 056 666	92.53	85.28
2	Gía trị SX	Triệu đ	48 923	55 985	55 462	113.37	99.07
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	6 500	7 969	8 139	125.22	102.13
4	Cổ tức/Vốn CP	%	8	8	8	100.00	100.00
5	Đơn giá Tlg đ/1000đ GTSX	Đồng	400.00	376.00	394.00	98.50	104.79
6	Tổng quỹ lương	Triệu đ	57 649	70 286	62 941	109.18	89.55
7	Lao động bình quân	Người	679	621	627	92.34	100.97
8	Tiền lương bq/người/tháng	Triệu đ	7.08	9.43	8.37	118.23	88.69
9	Đầu tư XD CB	Triệu đ	4 169	2 457	3.757	90.12	152.91

Kết thúc năm 2021, Công ty thực hiện hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao năm 2021.

Riêng kế hoạch Đầu tư xây dựng tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-VTTC-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 đã đặt mục tiêu đầu tư 106.886 triệu đồng, song do dịch bệnh Covid 19 bùng phát lần thứ 4 diễn biến phức tạp, đã tác động trực tiếp tới tình hình SXKD, nhất là ảnh hưởng nặng nề đối với kinh doanh du lịch và kinh doanh khách sạn ; Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh đã ảnh hưởng đến nguồn đầu tư, tiến độ và kế hoạch triển khai một số dự án triển khai năm 2021. HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 26/2021/NQ-VTTC-HĐQT ngày 15/10/2021 tiến hành điều chỉnh Kế hoạch ĐTXD năm 2021 cho phù hợp với tình hình mới : như vậy so với kế hoạch đầu năm thì tổng điều

chính tăng 767 triệu đồng, đồng thời điều chỉnh giảm 103.484 triệu đồng, kế hoạch để triển khai ĐTXD trong năm 2021, số tiền đầu tư 4.169 triệu đồng;

Thực hiện kế hoạch đầu tư 3.757 triệu đồng, bằng 90,12% kế hoạch (nếu kế hoạch điều chỉnh được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp).

2. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty:

Nội dung thẩm định: Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Về báo cáo kiểm kê tài sản thông qua các hồ sơ kiểm kê, nhìn nhận số lượng, chủng loại vật tư hàng hóa còn tồn kho để giám sát;

Về công nợ phải thu, nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2021 kiểm tra xác định về mức độ an toàn của từng khoản nợ phải thu, thông qua biên bản xác nhận nợ của khách nợ tại thời điểm 31/12/2021, đối với những khoản nợ chưa có biên bản đối chiếu nợ, nhưng còn nợ phải thu – Ban kiểm soát đã căn cứ kiểm tra chứng từ thu hồi nợ (Báo có, thu tiền mặt) đầu năm 2022;

Đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, theo báo cáo số liệu nợ quá hạn phát sinh từ năm 2020 về trước; năm 2021 Công ty không phát sinh nợ quá hạn thanh toán, đối với nợ quá hạn trước đây Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ các khoản nợ quá hạn, tuân thủ quy định của Bộ tài chính; Tổng nợ quá hạn đến thời điểm 31/12/2021 toàn công ty 14.399 triệu đồng, trong đó khoản nợ tại Công ty CP chế tạo máy 13.970 triệu đồng, nợ phải thu khác 429 triệu đồng.

Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2021, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm theo quy định của Bộ Tài chính và báo cáo quản trị của Công ty .

- Ban kiểm soát nhất trí với số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán tại báo cáo kiểm toán số: BC/BDO/2022.090 ngày 18 tháng 03 năm 2022 của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính năm 2021, để trình và báo cáo trước ĐHĐCĐ năm 2022 là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty.

3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2021:

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2020:

Tỷ lệ chi trả cổ tức, trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và phân chia vào năm tài chính 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện
A	B	C	1	2
I	Lợi nhuận sau thuế 2020 chưa phân chia	Đồng	6.374.934.155	6.374.934.155
II	Lợi nhuận năm 2019 chưa phân chia	Đồng		



III	Lợi nhuận được phân chia (I + II)	Đồng	6.374.934.155	6.374.934.155
1	Trả cổ tức			
-	Vốn điều lệ	Đồng	25 000 560 000	25 000 560 000
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	8	8
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ chi trả	Đồng	2.000.044.800	2.000.044.800
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đó hết hạn được trừ vào lợi nhuận sau thuế	Đồng		
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	4.374.889.355	4.374.889.355
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển (3 x 30%)	Đồng	1.312.466.807	1.312.466.807
b	Trích Quỹ thưởng Người quản lý	Đồng	300 000 000	300 000 000
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2020	Đồng	2.762.422.548	2.762.422.548

3.2 Số liệu tài chính tổng hợp thời điểm 31/12/2021:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
A. Tổng tài sản		481,875,886,079	569,976,364,112
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	449,309,733,994	538,419,574,335
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	19,859,004,671	141,654,541,392
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	241,243,664,835	192,705,955,681
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi		-14,450,482,796	-14,399,045,534
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	185,720,690,667	197,373,784,092
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	2,486,373,821	6,685,293,170
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	32,566,152,085	31,556,789,777
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	502,006,844	152,917,527
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	219-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	10,999,835,635	11,705,101,683
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	10,721,968,257	11,349,126,197
- Tài sản cố định thuê Tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	277,867,378	355,975,486
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	295,179,091	295,179,091
Trong đó: Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	295,179,091	295,179,091
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	20,769,130,515	19,403,591,476
B. Tổng nguồn vốn		481,875,886,079	569,976,364,112
I. Nợ phải trả	300-BCĐKT	424,059,925,883	510,721,914,929
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	424,059,925,883	509,469,498,259
Trong đó: Nợ quá hạn			
Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	322-BCĐKT	6,591,941,072	5,970,575,370
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		1,252,416,670
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	57,815,960,196	59,254,449,183
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	57,815,960,196	59,254,449,183
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	25,000,560,000	25,000,560,000
Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	26,440,466,041	27,752,932,848
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	6,374,934,155	6,500,956,335

2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT		
C. Kết quả kinh doanh		12 tháng 2020	12 tháng 2021
1. Tổng doanh thu		1,239,056,879,331	1,056,666,708,116
- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10-BCKQKD	1,237,137,844,802	1,053,877,462,725
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	1,376,992,863	2,621,604,568
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	542,041,666	167,640,823
2. Tổng chi phí		1,231,088,211,637	1,048,527,847,833
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	7,968,667,693	8,138,860,283
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	6,374,934,155	6,500,956,335
D. Chỉ tiêu khác		12 tháng 2020	12 tháng 2021
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		110,511,718,165	100,408,541,257
Trong đó: các loại thuế		110,511,718,165	100,407,983,887
2. Hệ số lợi nhuận thực hiện so với			
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		13.78	13.74
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)		0.52	0.62
- LN từ HĐSXKD/Dthu thuần SXKD (%)			
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)		1.32	1.14
3. Chỉ số về cơ cấu vốn hiện thời			
- Hệ số tổng nợ phải trả/tổng tài sản (Lần)		0.87	0.89
- Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Lần)		7.22	8.52
4. Khả năng thanh toán hiện thời (Lần)		1.08	1.07
5. Khả năng thanh toán nhanh (Lần)		0.63	0.66
6. Mức độ bảo toàn vốn (Lần)		1.00	1.02
7. Tổng Quỹ lương trong chi phí KD		70,286,000,000	62,941,038,928
- Lương người quản lý Công ty		2,550,000,000	3,403,792,000
- Lương người lao động		67,736,000,000	59,537,246,928
- Lương tập trung Công ty			
8. Phụ cấp HĐQT, KSV		446,400,000	591,500,000
9. Số lao động bình quân		621.00	627.00
- Viên chức quản lý		6.25	7.00
- Người lao động		614.75	620.00
10. Tiền lương bình quân người/quý		28,295,491	25,096,108
11. Tiền lương bình quân người/tháng		9,431,830	8,365,369
- Viên chức quản lý		34 000 000	40 521 333
- Người lao động		9 182 052	8 002 318

4. Hệ số tài chính tại ngày 31/12/2021:

4.1 Bảo toàn vốn:

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2020: 57,816 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2020 chưa phân phối 6,375 triệu đồng).

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2021: 59,254 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2021 chưa phân phối 6,501 triệu đồng)

Năm 2021 kết quả SXKD của Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 8,139 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế 6,501 triệu đồng, đồng thời công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán và dự phòng bảo hành sản phẩm, mua bảo hiểm tài sản theo quy định; Như vậy với các chỉ số thực hiện năm 2021, Công ty bảo toàn và phát triển được vốn của các cổ đông.

4.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu thuần: 0,62%.

4.3 Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 13,74%.

4.4 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hiện thời) :

Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2021: 538,419 triệu đồng;

Nợ ngắn hạn thời điểm 31/12/2021: 509,469 triệu đồng;

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,07 lần, giảm 0,01 lần so với năm 2020.

Như vậy tại thời điểm 31/12/2021 Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

4.5 Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu:

Nợ phải trả (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) thời điểm 31/12/2021: 504.751 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu: 59.264 triệu đồng.

Hệ số nợ phải trả / vốn CSH: 8,52 lần; tăng so với năm 2020 là 1,3 lần;

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin;

Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông công ty, trân trọng kính đề nghị ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- TV HĐQT, Ban KS,
- Lưu thư ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Văn Kiệt